

BÁO CÁO

Tổng kết 20 năm triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Bình Định

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC GIAI ĐOẠN 2002-2022

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Bình Định nằm ở khu vực duyên hải Nam Trung bộ, trong Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có vị trí địa lý, kinh tế đặc biệt quan trọng, với diện tích tự nhiên là 6.066 km². Những năm gần đây kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển khá toàn diện theo hướng phát triển bền vững. Về hành chính, Bình Định có 01 thành phố, 02 thị xã và 8 huyện (trong đó có 01 huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ), 159 xã, phường, thị trấn; tổng dân số tỉnh Bình Định đến nay là 1.641,7 nghìn người, trong đó, khu vực thành thị 635 nghìn người (chiếm 38,7%), khu vực nông thôn 1.006,7 nghìn người (chiếm 61,3%), dân tộc thiểu số 41,2 nghìn người (chiếm 2,5%) với 03 dân tộc thiểu số chủ yếu là Bana, Chăm, Hrê. Giai đoạn 2021-2025 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh theo chuẩn nghèo đa chiều 5,78%, tỷ lệ hộ cận nghèo 5,56%. Trong đó huyện nghèo An Lão tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều 36,13%, tỷ lệ hộ cận nghèo 19,2%.

Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) được thành lập theo Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ, có nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, đồng hành cùng với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Ban đại diện Hội đồng quản trị (HĐQT) NHCSXH các cấp và sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức chính trị-xã

hội (CT-XH), các Sở, ban, ngành, cùng với sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân. Hoạt động tín dụng chính sách xã hội đã góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước đã đề ra về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, tập trung phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 20 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 78/2002/NĐ-CP

1. Đã thiết lập được mô hình tổ chức, phương thức quản lý đặc thù, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn

Mô hình tổ chức quản trị của NHCSXH mang tính đặc thù, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của nước ta, đáp ứng yêu cầu tập trung nguồn lực xã hội, tăng hiệu quả sử dụng vốn, thực hiện xã hội hoá hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Mô hình tổ chức của NHCSXH tỉnh Bình Định gồm bộ máy quản trị là Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, bộ máy điều hành tác nghiệp là Hội sở Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, cùng với phương thức quản lý với sự tham gia của 04 tổ chức CT-XH (Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh).

1.1. Hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị

Ban đại diện HĐQT NHCSXH các cấp được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 162/QĐ-HĐQT ngày 17/4/2003 của HĐQT NHCSXH. Thành phần Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp tỉnh và cấp huyện bao gồm: Đồng chí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cùng cấp kiêm nhiệm làm Trưởng Ban, thành viên là đại diện lãnh đạo của Văn phòng UBND và các ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch, Ngân hàng Nhà nước, Nông nghiệp, Dân tộc, 4 tổ chức CT-XH nhận ủy thác và NHCSXH. Từ năm 2015, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ tại Công văn số 1423/VPCP-KTTH ngày 01/3/2015, Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện đã bổ sung thêm thành viên là Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã), góp phần nâng cao hơn nữa năng lực, hiệu quả hoạt động, nhất là trong tổ chức chỉ đạo và kiểm tra giám sát việc triển khai tín dụng chính sách tại cơ sở. Đến nay, tổng số thành viên Ban đại diện HĐQT NHCSXH toàn tỉnh là 285 thành viên, trong đó: cấp tỉnh 13 thành viên, cấp huyện 272 thành viên (bao gồm 159 Chủ tịch UBND cấp xã). Ban đại diện HĐQT NHCSXH các cấp thường xuyên được củng cố, bổ sung, kiện toàn kịp thời, đảm bảo công tác chỉ đạo triển khai tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn được thông suốt, hiệu quả.

Việc bổ sung Chủ tịch UBND cấp xã tham gia Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện nhằm nâng cao vai trò quản lý Nhà nước và trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền cấp xã đối với hoạt động tín dụng chính sách tại cơ sở, cũng như việc triển khai và thực hiện các chương trình tín dụng chính sách, đồng thời quản lý tốt nguồn vốn tín dụng chính sách trên địa bàn xã. Thông qua công tác triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời nắm bắt được tình hình quản lý vốn vay, kịp thời xử lý những khó khăn, vướng

mắc và đề xuất, kiến nghị tại cơ sở như: Trực tiếp chỉ đạo và triển khai thực hiện hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn đảm bảo nguồn vốn tín dụng chính sách đến đúng đối tượng được thụ hưởng theo quy định; chỉ đạo lồng ghép thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương góp phần thực hiện mục tiêu Chương trình giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Các nội dung liên quan đến tín dụng chính sách xã hội được đưa vào chương trình, kế hoạch, hoạt động thường xuyên, định kỳ của chính quyền cấp xã.

Trong 20 năm qua, hoạt động của Ban đại diện HĐQT NHCSXH các cấp luôn bám sát Nghị quyết của HĐQT NHCSXH, cấp ủy, chính quyền địa phương; tổ chức họp theo định kỳ hàng quý để chỉ đạo triển khai các chương trình tín dụng chính sách sát với thực tế, gắn với công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, Quyết định số 401/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Phê duyệt, chỉ đạo và đôn đốc NHCSXH thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ được giao. Báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh, UBND cấp huyện tạo điều kiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Chỉ đạo lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao công nghệ với hoạt động cho vay của NHCSXH. Tổ chức tuyên truyền để người dân nắm được các cơ chế chính sách tín dụng, tạo kênh dẫn vốn đến đối tượng được thụ hưởng có hiệu quả. Chỉ đạo thành lập 159 Điểm giao dịch tại tất cả các xã, phường, thị trấn trong tỉnh để triển khai tín dụng chính sách xã hội và các dịch vụ Ngân hàng ngay tại xã. Hàng năm, Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh đã xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng chính sách theo đúng quy định.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, các cơ chế, chính sách sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH, cụ thể như: Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh¹; hỗ trợ cho hộ nghèo làm nhà ở giai đoạn 1² trên địa bàn tỉnh; ban hành Quy định chính sách hỗ trợ cho người lao động tỉnh Bình Định đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng³; Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, giai đoạn 2021-2025⁴; Quyết định về giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm ủy thác qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng

¹ Quyết định: số 731/QĐ-UBND ngày 24/12/2008; số 406/2009/QĐ-UBND ngày 11/6/2009; số 65/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016; số 56/2017/QĐ-UBND ngày 28/9/2017; số 29/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh.

² Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của UBND tỉnh.

³ Quyết định: số 30/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017, số 85/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh.

⁴ Quyết định: số 1985/QĐ-UBND ngày 02/6/2017, số 3069/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh.

chính sách khác⁵; chuyển nguồn ngân sách địa phương để cho vay hộ nghèo sang cho vay tạo việc làm trong nước và ngoài nước⁶; Quyết định bổ sung kinh phí cho NHCSXH tỉnh để cho người lao động vay vốn đi làm việc ở nước ngoài⁷; cho phép sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng từ năm 2017 trở về trước để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách⁸; Quyết định phân bổ kinh phí Quỹ việc làm cho người tàn tật⁹ và một số cơ chế chính sách đặc thù riêng của tỉnh¹⁰. Bên cạnh đó, thông qua chức năng nhiệm vụ công tác của mình các thành viên Ban đại diện HĐQT NHCSXH tỉnh là lãnh đạo các sở, ngành đã tích cực tham mưu UBND tỉnh xem xét ban hành các chính sách liên quan tín dụng chính sách, giải quyết các nội dung liên quan đến tín dụng chính sách xã hội.

1.2. Về bộ máy điều hành, tác nghiệp

Bộ máy điều hành tác nghiệp của Chi nhánh NHCSXH tỉnh gồm 05 Phòng nghiệp vụ thuộc Hội sở tỉnh và 10 Phòng giao dịch tại các huyện, thị xã với 160 cán bộ, viên chức, người lao động; trong đó, cán bộ làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ 136 người (bình quân mỗi Phòng giao dịch có 11 cán bộ) với cơ sở vật chất đảm bảo cho hoạt động của Ngân hàng. Với khối lượng công việc ngày càng tăng, đội ngũ cán bộ luôn tâm huyết với ngành, cùng với sự phối hợp tham gia của các tổ chức CT-XH, NHCSXH đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chính trị được Đảng và Nhà nước giao.

Trong 20 năm qua, NHCSXH đã xây dựng và hoàn thiện bộ máy điều hành tác nghiệp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đồng thời quan tâm xây dựng được đội ngũ cán bộ đảm bảo về chất lượng, giỏi một việc, biết nhiều việc, nỗ lực vượt khó với tinh thần trách nhiệm cao, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao. Đội ngũ cán bộ tại chi nhánh NHCSXH tỉnh thường xuyên được quan tâm bồi dưỡng đạo đức và nghiệp vụ, có ý thức tổ chức kỷ luật và phong cách giao tiếp văn minh, lịch sự, luôn gần dân, sát dân, tận tụy phục vụ người nghèo và các đối tượng chính sách khác với phương châm “*thấu hiểu lòng dân, tận tâm phục vụ*”.

2. Phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách xã hội đặc thù phù hợp với hệ thống chính trị của Việt Nam

2.1. Phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách

⁵ Quyết định: số 4693/QĐ-UBND ngày 25/12/2015; số 4545/QĐ-UBND ngày 12/12/2016; số 4444/QĐ-UBND ngày 29/11/2017; số 4319/QĐ-UBND ngày 07/12/2018; số 5017/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; số 5050/QĐ-UBND ngày 10/12/2020; số 4950/QĐ-UBND ngày 13/12/2021.

⁶ Công văn: số 6135/UBND-VX ngày 9/10/2018; số 932/UBND-VX ngày 20/2/2020; số 2174/UBND-VX ngày 07/4/2020 của UBND tỉnh.

⁷ Quyết định: số 4183/QĐ-UBND ngày 29/11/2018; số 1405/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND tỉnh; Công văn số 95/UBND-VX ngày 05/01/2019 của UBND tỉnh.

⁸ Công văn số 2556 ngày 15/5/2019; số 2857 ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh.

⁹ Quyết định: số 348/QĐ-UBND ngày 02/02/2015; số 2810/QĐ-TTg ngày 05/7/2021 và số 1158/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh.

¹⁰ Quyết định: số 2046/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 về hỗ trợ phát triển tái đàn heo trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 4019/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 về việc ban hành quy định hỗ trợ phát triển tái đàn bò trên địa bàn tỉnh Bình Định; số 47/QĐ-UBND ngày 08/8/2021 về quy định cho vay người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh; số 4803/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 về việc thực hiện giảm lãi suất cho vay các chương trình tín dụng chính sách từ nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác.

Để chuyển tải vốn tín dụng chính sách đúng đối tượng thụ hưởng, đồng thời nâng cao chất lượng tín dụng, hỗ trợ tối đa cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác trong điều kiện tiết giảm chi phí quản lý, chi phí xã hội..., NHCSXH đã thực hiện phương thức quản lý tín dụng chính sách đặc thù thông qua hình thức: (i) Phân công, phân cấp trách nhiệm trong việc xác định hộ nghèo và các đối tượng chính sách đủ điều kiện vay vốn; (ii) Thực hiện dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư; (iii) Kết hợp sự tham gia của 04 tổ chức CT-XH nhận ủy thác với vai trò giám sát xã hội và làm ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình nghiệp vụ tín dụng chính sách.

Qua thực tiễn cho thấy, phương thức quản lý tín dụng chính sách thông qua việc ủy thác, ủy nhiệm một số công việc trong quy trình nghiệp vụ tín dụng cho 04 tổ chức CT-XH, Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) là hướng đi đúng, tập hợp được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, đảm bảo việc chuyển tải nguồn vốn tín dụng ưu đãi một cách nhanh nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả nhất đến hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác có vốn sản xuất kinh doanh, tạo thêm được việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện và dần ổn định cuộc sống; đồng thời tiết giảm chi phí quản lý, chi phí xã hội. Hoạt động nhận ủy thác từ NHCSXH đã tạo điều kiện cho các tổ chức CT-XH tập hợp lực lượng, củng cố, nâng cao cả về số lượng, chất lượng phong trào hoạt động, tăng số lượng hội viên, góp phần củng cố hệ thống chính trị cơ sở, giúp người nghèo có điều kiện được sinh hoạt tại các tổ chức CT-XH, qua đó được tiếp cận với nhiều hoạt động lồng ghép như hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe, nâng cao dân trí...

Hiện toàn tỉnh có 575 cán bộ tổ chức CT-XH các cấp nhận ủy thác, luôn đồng hành với các đối tượng tham gia vay vốn, giúp các hộ vay tiếp cận với vốn tín dụng chính sách kịp thời, có hiệu quả, qua đó góp phần nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo thực hiện tín dụng chính sách xã hội công khai, dân chủ, đúng chủ trương, đúng đối tượng và đảm bảo an toàn vốn. Cùng với đó, trong những năm qua, vai trò của Trưởng thôn, làng, khu phố trong triển khai tín dụng chính sách xã hội tại cơ sở ngày càng được nâng lên, vừa góp phần chuyển tải kịp thời các thông tin về chủ trương, tín dụng chính sách xã hội đến với nhân dân, vừa phát huy vai trò giám sát trong bình xét, lựa chọn đối tượng cho vay tại Tổ TK&VV, giám sát người vay sử dụng vốn, kịp thời phát hiện, phối hợp xử lý những trường hợp phát sinh dễ dẫn đến nguy cơ mất vốn trong quá trình sử dụng vốn của người vay cũng như phối hợp với Tô, Hội, NHCSXH và các cơ quan liên quan trong việc đôn đốc người vay trả nợ khi đến hạn, nâng cao chất lượng tín dụng...

Đến 31/8/2022, 04 tổ chức CT-XH phối hợp với NHCSXH tham gia quản lý 5.229 tỷ đồng, chiếm 98,9% trên tổng dư nợ, với 2.365 Tổ TK&VV, với 98.020 hộ vay vốn đang còn dư nợ, bình quân 01 Tổ có 41 thành viên, dư nợ bình quân 01 Tổ đạt 2,2 tỷ đồng; chất lượng tín dụng do các tổ chức CT-XH nhận ủy thác được nâng lên, nợ quá hạn đến nay là 3.012 triệu đồng, tỷ lệ 0,06%. Trong đó:

- Hội Liên hiệp phụ nữ tham gia quản lý 2.621 tỷ đồng/48.446 hộ/1.103 Tổ, chiếm 50,1% tổng dư nợ uỷ thác, dư nợ bình quân 01 hộ đạt 54 triệu đồng; nợ quá hạn 1.779,5 triệu đồng, tỷ lệ 0,07%.

- Hội Nông dân tham gia quản lý 1.522 tỷ đồng/28.801 hộ/723 Tổ, chiếm 29,1% tổng dư nợ uỷ thác, dư nợ bình quân 01 hộ đạt 52,8 triệu đồng; nợ quá hạn 517,5 triệu đồng, tỷ lệ 0,03%.

- Hội Cựu chiến binh tham gia quản lý 638,5 tỷ đồng/12.327 hộ/326 Tổ, chiếm 12,2% trong tổng dư nợ uỷ thác, dư nợ bình quân 01 hộ đạt 51,8 triệu đồng; nợ quá hạn 510 triệu đồng, tỷ lệ 0,08%.

- Đoàn Thanh niên tham gia quản lý 447,7 tỷ đồng/8.446 hộ/ 213 Tổ, chiếm 8,6% trong tổng dư nợ uỷ thác, dư nợ bình quân 01 hộ đạt 53 triệu đồng; nợ quá hạn 205 triệu đồng, tỷ lệ 0,05%.

(Chi tiết số liệu hoạt động uỷ thác theo Biểu số 06/TK đính kèm)

2.2. Hoạt động của Điểm giao dịch xã

Hiện nay NHCSXH tổ chức giao dịch tại 159 Điểm giao dịch đặt tại trụ sở UBND cấp xã. Tại Điểm giao dịch xã, các chính sách tín dụng của Nhà nước, danh sách hộ vay vốn và các quy trình thủ tục của NHCSXH được niêm yết công khai; người vay giao dịch trực tiếp với NHCSXH vào ngày cố định hàng tháng để vay vốn, trả nợ, gửi tiền tiết kiệm, trước sự chứng kiến của cán bộ tổ chức CT-XH, Tổ TK&VV và chính quyền địa phương. Thông qua hoạt động tại Điểm giao dịch xã, đã hạn chế được tiêu cực phát sinh trong hoạt động tín dụng chính sách xã hội, đồng thời tiết giảm chi phí đi lại và tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận các dịch vụ Ngân hàng, hiện nay trên 98% tổng khối lượng giá trị giao dịch của NHCSXH với người nghèo và các đối tượng chính sách được thực hiện một cách thuận lợi tại xã. Qua đó, đã tạo được lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và hoạt động của NHCSXH; chính quyền cơ sở cũng có điều kiện tiếp xúc nhiều hơn với người dân, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của người dân, góp phần giữ vững ổn định an ninh - chính trị, trật tự và an toàn xã hội tại cơ sở. Hoạt động của Điểm giao dịch xã đã được cấp ủy, chính quyền địa phương đánh giá cao và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Có thể nói, mô hình Điểm giao dịch xã chính là một bước tiến trong cải cách thủ tục hành chính, là một đặc thù riêng có của NHCSXH, đã và đang phát huy hiệu quả rất tích cực trong hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

2.3. Về mạng lưới Tổ Tiết kiệm và vay vốn

Tổ TK&VV thực hiện một số nhiệm vụ do NHCSXH ủy nhiệm, có vai trò quan trọng trong hoạt động tín dụng chính sách xã hội, là cầu nối giữa Ngân hàng với người vay vốn, mạng lưới Tổ TK&VV đã góp phần chuyển tải nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ đến với các đối tượng được thụ hưởng kịp thời và tiết giảm chi phí cho người vay vốn. Tổ TK&VV do Trưởng thôn, làng, khu phố hoặc tổ chức CT-XH vận động thành lập, được chính quyền cấp xã chấp thuận cho phép hoạt động, gồm hộ nghèo và các đối tượng chính sách có nhu cầu vay vốn cùng sống trên một địa bàn dân cư, hoạt động của Tổ theo nguyên tắc tự nguyện, tương

trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống, cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đúng hạn. Tổ TK&VV còn được giao nhiệm vụ tổ chức bình xét công khai, dân chủ những người đúng đối tượng, đủ điều kiện vay vốn tín dụng ưu đãi, có sự quản lý, hướng dẫn và giám sát của các tổ chức CT-XH, Trưởng thôn, làng, khu phố trình UBND cấp xã phê duyệt và giải ngân trực tiếp tại Điểm giao dịch xã. Ngoài ra, Tổ giám sát việc sử dụng vốn vay, đôn đốc người vay trả nợ, tuyên truyền vận động tổ viên tham gia gửi tiền tiết kiệm, thực hiện thu lãi, thu tiết kiệm theo định kỳ hàng tháng, theo dõi đôn đốc kịp thời các khoản nợ đến hạn, phối hợp xử lý nợ tồn đọng, nợ rủi ro,...

Đến 31/8/2022, toàn tỉnh có 2.365 Tổ TK&VV đang hoạt động tại 1.116 thôn, làng, khu phố thuộc quản lý của 04 tổ chức CT-XH nhận ủy thác với tổng số 98.020 thành viên, bình quân mỗi Tổ có 41 thành viên. Kết quả đánh giá, xếp loại hoạt động của Tổ TK&VV như sau: 2.320 Tổ xếp loại tốt, chiếm 98,1%; xếp loại khá 37 Tổ, chiếm 1,6%; xếp loại trung bình 8 Tổ, chiếm 0,3%.

3. Tập trung huy động được các nguồn lực tài chính đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác

Thực hiện chủ trương đa dạng hóa nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội, để đảm bảo có đủ nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn, cùng với nguồn vốn cân đối từ Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo việc huy động và tập trung các nguồn lực tài chính, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Đến 31/8/2022, tổng nguồn vốn đạt 5.297 tỷ đồng, tăng 5.192 tỷ đồng so với năm 2002, tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 25%. Trong đó:

- Nguồn vốn cân đối từ Trung ương đạt 4.084 tỷ đồng, tăng 3.993 tỷ đồng so với năm 2002, chiếm tỷ trọng 77% tổng nguồn vốn, tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 24,5%.

- Nguồn vốn huy động từ thị trường đạt 736 tỷ đồng, tăng 736 tỷ đồng so với năm 2002, chiếm tỷ trọng 14% tổng nguồn vốn, tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 35,9%.

- Nguồn vốn nhận ủy thác từ ngân sách địa phương đạt 476,7 tỷ đồng, tăng 463,4 tỷ đồng so với năm 2002. Trong đó: nguồn vốn ngân sách tỉnh tăng 416,5 tỷ đồng, cấp huyện tăng 46,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 9% tổng nguồn vốn, tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 25,8%.

Trong 20 năm qua, nguồn vốn trên địa bàn không ngừng tăng trưởng, ngày càng đáp ứng được tốt hơn nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác. Cơ cấu nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đã chuyển biến theo hướng tăng nguồn vốn NHCSXH tự huy động được ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất và nguồn lực tại địa phương thể hiện rõ chủ trương “đa dạng hóa nguồn lực” với phương châm “nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân cùng làm”. Nhờ đó, nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội thời gian

qua đã cơ bản đáp ứng kịp thời nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

(Số liệu chi tiết tại Biểu số 01/TK đính kèm)

4. Thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác đạt hiệu quả, góp phần quan trọng trong thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới

4.1. Kết quả hoạt động tín dụng

Từ 03 chương trình tín dụng nhận bàn giao năm 2003, đến nay toàn tỉnh đã và đang triển khai cho vay hơn 17 chương trình tín dụng chính sách. Doanh số cho vay từ đầu năm 2003 đến nay đạt 16.097 tỷ đồng, với gần 726 nghìn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn; doanh số thu nợ đạt 10.881 tỷ đồng. Đến ngày 31/8/2022, tổng dư nợ các chương trình tín dụng chính sách đạt 5.289 tỷ đồng, tăng 5.209 tỷ đồng so với cuối năm 2002, gấp 66 lần so dư nợ nhận bàn giao, tỷ lệ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt 25,1% (đạt so kế hoạch giao), tốc độ tăng trưởng dư nợ tăng dần qua các năm, với hơn 98 nghìn hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách còn dư nợ, bình quân một hộ dư nợ đạt 53,8 triệu đồng, tăng 51 triệu đồng so với năm 2002; người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ do NHCSXH cung cấp. Trong đó dư nợ tín dụng chính sách phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế và việc làm đạt 3.850 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 72,8%/tổng dư nợ, tăng 3.773 tỷ đồng so với 31/12/2002. Dư nợ tín dụng chính sách phục vụ đời sống, sinh hoạt đạt 1.439 tỷ đồng, chiếm 27,2%/tổng dư nợ, tăng 1.436 tỷ đồng so với năm 2002. Cụ thể:

(1) *Chương trình tín dụng hộ nghèo (Nghị định số 78/2002/NĐ-CP)*: Dư nợ đạt 750 tỷ đồng, chiếm 14,2% tổng dư nợ, với gần 14 nghìn hộ đang còn dư nợ; doanh số cho vay giai đoạn 2003 đến nay đạt 4.824 tỷ đồng với gần 231 nghìn lượt hộ nghèo được vay vốn. Chương trình đã tập trung được nguồn lực của Nhà nước để cho hộ nghèo vay vốn ưu đãi phục vụ sản xuất, kinh doanh, cải thiện đời sống và từng bước vươn lên thoát nghèo. Qua đó, đã giúp cho hơn 116 nghìn hộ nghèo vươn lên thoát khỏi ngưỡng nghèo.

(2) *Chương trình tín dụng hộ cận nghèo (Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 1.078 tỷ đồng, chiếm 20,4% tổng dư nợ với gần 20 nghìn hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 2.493 tỷ đồng với gần 55 nghìn lượt hộ cận nghèo được vay vốn; đây là chương trình tín dụng có dư nợ lớn nhất trong các chương trình tín dụng chính sách xã hội đang triển khai thực hiện; đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của hộ cận nghèo, tăng thu nhập, cải thiện đời sống, giảm nguy cơ tái nghèo.

(3) *Chương trình tín dụng hộ mới thoát nghèo (Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg và Quyết định số 02/2021/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 541 tỷ đồng, chiếm 10,2% tổng dư nợ với gần 10 nghìn hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 993 tỷ đồng với hơn 19 nghìn lượt hộ mới thoát nghèo được vay vốn.

(4) *Chương trình tín dụng học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 426 tỷ đồng, chiếm 8% tổng dư nợ với gần 11 nghìn khách hàng còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 2.044 tỷ đồng, với hơn 164 nghìn lượt học sinh, sinh viên được vay vốn đi học.

(5) *Chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (Quyết định số 62/2004/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 687 tỷ đồng, chiếm 13% tổng dư nợ với gần 38 nghìn hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 1.329 tỷ đồng với gần 114 nghìn lượt hộ được vay vốn; với việc vay vốn để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các mô hình cấp nước sạch và vệ sinh môi trường hợp vệ sinh, hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường, bệnh tật do sử dụng nguồn nước không hợp vệ sinh; góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

(6) *Chương trình cho vay giải quyết việc làm (Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP)*: Dư nợ đạt 1.016 tỷ đồng, chiếm 19,2% tổng dư nợ với gần 24 nghìn hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 1.857 tỷ đồng với gần 66 nghìn lượt khách hàng được vay vốn; chương trình đã giúp cho hơn 78 nghìn lao động có việc làm, góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp, tăng thu nhập, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, góp phần thay đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa.

(7) *Chương trình cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*: Dư nợ đạt 24 tỷ đồng, chiếm 0,5%/tổng dư nợ với 357 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 132 tỷ đồng với hơn 2 nghìn lượt khách hàng vay vốn. Chương trình này đã giúp giải quyết việc làm cho nhiều lao động, có thu nhập góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(8) *Chương trình tín dụng đối với vùng khó khăn (Quyết định số 31/2007/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 321 tỷ đồng, chiếm 6,1% tổng dư nợ với hơn 7 nghìn hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 1.629 tỷ đồng với gần 47 nghìn lượt hộ được vay vốn; góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn, miền núi, tăng trưởng kinh tế đồng đều giữa các vùng trong cả nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương theo hướng sản xuất gắn với thị trường, làm thay đổi bộ mặt kinh tế, xã hội của các xã vùng khó khăn.

(9) *Chương trình thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn (Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg)*: Doanh số cho vay đạt 33 tỷ đồng, đến nay dư nợ không đồng.

(10) *Chương trình nhà ở xã hội (Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP)*: Dư nợ đạt 254 tỷ đồng, chiếm 4,8% tổng dư nợ với 777 khách hàng còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 277 tỷ đồng. Đây là một chủ trương hết sức đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, tạo cơ hội cho hàng trăm người thuộc đối tượng chính sách có mái ấm để “an cư lạc nghiệp”, hiện thực hóa ước mơ có nhà riêng để ở, đã giúp cho 808 người được tiếp cận vốn vay để có thể tự mua cho mình có một chỗ ở ổn định hoặc xây mới, sửa chữa, cải tạo lại nhà ở giúp cho cuộc sống được nâng cao, góp phần làm cho diện mạo của đất nước ngày càng văn

minh, hiện đại. Do đó, chính sách cho vay nhà ở xã hội đóng góp tích cực vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu Chiến lược phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh.

(11) *Chương trình cho vay hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 48 tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng dư nợ với hơn 2 nghìn hộ còn dư nợ, doanh số cho vay đạt 79 tỷ đồng với hơn 6 nghìn lượt hộ được vay vốn. Chương trình đã hỗ trợ hộ nghèo có nhà ở ổn định, an toàn, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo.

(12) *Chương trình cho vay hộ đồng bào DTTS nghèo, đời sống khó khăn (Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 54/2015/QĐ-TTg, Quyết định số 755/QĐ-TTg, Quyết định số 2085/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 33 tỷ đồng, chiếm 0,06%/tổng dư nợ với 699 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 71 tỷ đồng với hơn 5 nghìn lượt hộ được vay vốn.

(13) *Chương trình cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi (Nghị định số 75/2015/NĐ-CP)*: Dư nợ đạt 1,1 tỷ đồng, chiếm 0,02%/tổng dư nợ với 23 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 9 tỷ đồng với 194 lượt hộ đã được vay vốn.

(14) *Chương trình cho vay phát triển ngành lâm nghiệp (WB3)*: Dư nợ đạt 35 tỷ đồng, chiếm 0,67%/tổng dư nợ với 675 hộ còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 236 tỷ đồng với hơn 12 nghìn lượt hộ đã được vay vốn.

(15) *Cho vay người lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất (Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 41 tỷ đồng, chiếm 0,8% tổng dư nợ với hơn 8 khách hàng còn dư nợ; doanh số cho vay đạt 54 tỷ đồng, với 74 lượt khách hàng được vay với 7.345 lao động.

(16) *Chương trình cho HSSV có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến (Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 26 tỷ đồng, chiếm 0,6%/tổng dư nợ với 2.600 HSSV vay vốn.

(17) *Cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 (Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg)*: Dư nợ đạt 8,4 tỷ đồng, chiếm 0,16%/tổng dư nợ với 102 khách hàng còn dư nợ. Nguồn vốn này đã giúp cho khách hàng có vốn để sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để phục hồi, duy trì hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập.

(Số liệu chi tiết tại Biểu số 02/TK đính kèm)

4.2. Kết quả thực hiện tín dụng chính sách góp phần thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Trong 20 năm qua, hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ do NHCSXH cung cấp. Doanh số cho vay từ đầu năm 2002 đến nay là 7.317 tỷ đồng, với hơn 285 nghìn lượt khách hàng được vay vốn. Trong đó: Hộ nghèo gần 231 nghìn khách hàng, với số tiền 4.824 tỷ đồng; hộ cận nghèo gần 55 nghìn khách hàng, với số tiền 2.493 tỷ đồng; giúp cho hơn 116 nghìn lượt hộ nghèo thoát nghèo. Cùng với đó, các đối tượng hộ đồng bào

DTTS và miền núi cũng được quan tâm, kết quả cho vay từ năm 2003 đến nay đạt 918 tỷ đồng, với hơn 30 nghìn lượt hộ được vay vốn. Tín dụng chính sách xã hội đã trở thành nguồn vốn quan trọng với người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, giải quyết việc làm, nâng cao mức sống của người dân; góp phần hiệu quả vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững của tỉnh¹¹; góp phần giảm số xã thuộc vùng khó khăn từ 58 xã cuối năm 2015 xuống còn 22 xã đến nay.

Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, NHCSXH coi tăng cường nguồn vốn, nâng cao hiệu quả vốn tín dụng chính sách góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống người dân là nhiệm vụ hàng đầu tại các xã đang xây dựng nông thôn mới. Từ năm 2012 đến nay, doanh số cho vay tại các xã xây dựng nông thôn mới đạt 8.356 tỷ đồng, với hơn 280 nghìn lượt hộ vay vốn. Tổng dư nợ đến 31/8/2022 tại các xã nông thôn mới đạt 3.935 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 74,4%/tổng dư nợ, với hơn 75 nghìn khách hàng còn dư nợ. Dư nợ bình quân/xã nông thôn mới đạt 34,8 tỷ đồng. Vốn tín dụng chính sách xã hội đã góp phần giúp địa phương đạt một số tiêu chí như: Về tiêu chí việc làm, vốn tín dụng chính sách đã giúp thu hút và tạo việc làm gần 29 nghìn lao động với số tiền 1.230 tỷ đồng; tiêu chí giáo dục và đào tạo, vốn tín dụng chính sách giúp gần 42 nghìn lượt HSSV có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập với số tiền 554 tỷ đồng; về tiêu chí giảm nghèo, vốn tín dụng chính sách đã giúp gần 89 nghìn hộ nghèo, cận nghèo được vay vốn, với số tiền 3.441 tỷ đồng; giúp cho hơn 70 nghìn hộ gia đình xây dựng được 140 nghìn công trình nước sạch và công trình hợp vệ sinh tại vùng nông thôn với số tiền 1.059 tỷ đồng; giúp cho gần 5 nghìn hộ gia đình nghèo và các hộ gia đình chính sách có nhà ở đảm bảo an cư lập nghiệp..., góp phần toàn tỉnh có 05 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; tổng số xã công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến cuối năm 2021 là 83 xã, đạt tỷ lệ 73,5% và có 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

(Số liệu chi tiết tại Biểu số 03/TK đính kèm)

5. Tuân thủ các quy định về cơ chế phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và cơ chế xử lý nợ rủi ro

a) Cùng với việc tập trung thực hiện tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch được giao, chi nhánh NHCSXH tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức CT-XH nhận ủy thác và các ngành, các cấp tập trung thực hiện các giải pháp củng cố, nâng cao chất lượng tín dụng chính sách, cụ thể: Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức CT-XH nhận ủy thác củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động Tổ TK&VV tại cơ sở; tham mưu, phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức CT-XH nhận ủy thác tăng cường giám sát quá trình sử dụng vốn vay nhằm hạn chế phát

¹¹ Giai đoạn 2006-2010, hộ nghèo giảm từ 19,66% xuống còn 7,24%. Giai đoạn 2011-2015, hộ nghèo giảm từ 16,31% xuống còn 6,25%; hộ cận nghèo giảm từ 8,96% xuống còn 4,06%; riêng huyện nghèo: hộ nghèo giảm từ 62,29% xuống còn 36,95%; hộ cận nghèo giảm từ 17,21% xuống còn 16,11%. Giai đoạn 2016-2021, hộ nghèo giảm từ 13,35% xuống còn 3,13% cuối năm 2021; hộ cận nghèo giảm từ 8,96% xuống còn 4,28; riêng huyện nghèo hộ nghèo giảm từ 62,54% xuống còn 23,51%.

sinh nợ quá hạn và xử lý kịp thời các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan; tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao ý thức và nguyên tắc có vay - có trả cho người dân; tích cực rà soát, kiểm tra, đôn đốc, làm tốt công tác thu hồi nợ đến hạn. Tính đến 31/8/2022, tổng dư nợ quá hạn và nợ khoanh là 6,3 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 0,12% trên tổng dư nợ tín dụng, trong đó: Nợ quá hạn là 3 tỷ đồng, giảm 4 tỷ đồng so với thời điểm nhận bàn giao, chiếm tỷ lệ 0,06% trên tổng dư nợ (tỷ lệ nợ quá hạn giảm 8,81% so với thời điểm nhận bàn giao); nợ khoanh 3,3 tỷ đồng, tăng 1 tỷ đồng so với thời điểm nhận bàn giao, chiếm tỷ lệ 0,06% trên tổng dư nợ. Toàn tỉnh có 02 đơn vị cấp huyện, 102/159 đơn vị cấp xã và 2.146/2.365 Tô TK&VV không có nợ quá hạn. Chất lượng hoạt động tín dụng chính sách và chất lượng hiệu quả hoạt động giao dịch xã 100% đơn vị được đánh giá xếp loại tốt.

b) Công tác đối chiếu phân loại nợ được thực hiện theo Quyết định số 976/QĐ-TTg ngày 01/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế phân loại nợ tại NHCSXH. Từ năm 2015 đến nay, chi nhánh đã tích cực, chủ động phối hợp chính quyền các xã, phường, thị trấn, tổ chức CT-XH nhận ủy thác và các thành phần liên quan tổ chức 03 đợt đối chiếu phân loại nợ. Quá trình đối chiếu, phân loại nợ được thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định và được lồng ghép với công tác tuyên truyền về chủ trương tín dụng chính sách để người vay hiểu và chấp hành đúng các quy định, kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn những tồn tại, hạn chế trong quản lý và sử dụng vốn tín dụng chính sách xã hội tại cơ sở. Tỷ lệ đối chiếu, phân loại nợ qua các đợt triển khai đều đạt 100% số khách hàng, kết quả cho thấy vốn tín dụng chính sách xã hội được triển khai đến đúng đối tượng thụ hưởng, người vay sử dụng vốn đúng mục đích.

c) Về công tác quản lý và xử lý nợ bị rủi ro: NHCSXH phối hợp với chính quyền, tổ chức CT-XH nhận ủy thác cấp xã và các cơ quan liên quan rà soát, kịp thời hoàn thiện hồ sơ trình các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định khoanh nợ, xóa nợ đối với những món vay đủ điều kiện, bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, đảm bảo quyền lợi cho khách hàng vay vốn. Tổng số tiền được thông báo xử lý rủi ro trên địa bàn tỉnh trong 20 năm qua là 2.121 món vay, số tiền 28 tỷ đồng, trong đó: khoanh nợ 875 món vay, số tiền 17,3 tỷ đồng; xóa nợ 1.246 món vay số tiền 10,7 tỷ đồng bao gồm nợ gốc 7,9 tỷ đồng và nợ lãi 2,8 tỷ đồng. Qua kết quả thực hiện cho thấy việc xử lý nợ đã được thực hiện thường xuyên, đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ, chính xác, không ảnh hưởng đến nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Chính phủ và tạo điều kiện cho các đối tượng vay vốn gặp rủi ro khách quan vượt qua khó khăn, có cơ hội phục hồi sản xuất kinh doanh. Kết quả xử lý rủi ro đều được thông tin kịp thời tới khách hàng và các tổ chức, cơ quan liên quan và công khai tại điểm giao dịch xã, đảm bảo công khai, minh bạch, phát huy vai trò giám sát của toàn dân đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

6. Hiệu quả của cơ chế quản lý tài chính với việc tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của hệ thống NHCSXH

NHCSXH đang thực hiện cơ chế quản lý tài chính theo nguyên tắc quản lý thống nhất trong toàn ngành, phân cấp quản lý tài chính theo quy định của Bộ Tài chính. Chế độ tiền lương, phụ cấp lương, BHXH, BHYT, BHTN của người lao

động tại NHCSXH được đảm bảo gắn với kết quả hoạt động, chất lượng tín dụng của từng đơn vị phù hợp với cơ chế tiền lương, cơ chế quản lý tài chính của NHCSXH. Trong quá trình hoạt động đã chủ động cân đối các khoản thu nhập, chi phí; đẩy mạnh thu nợ, thu lãi để cho vay quay vòng, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, sử dụng vốn tiết kiệm, hiệu quả, không để tồn đọng, lãng phí vốn và thực hiện triệt để chủ trương của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong xây dựng, mua sắm. Thực hiện tốt kế hoạch tài chính được giao qua các năm và đã được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính; NHCSXH Trung ương kiểm tra nội bộ đánh giá, ghi nhận. Ngoài việc tuân thủ và thực hiện cơ chế quản lý tài chính được giao, trong năm 2021 thực hiện Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về giảm lãi suất cho vay các chương trình tín dụng chính sách tại NHCSXH, Chi nhánh NHCSXH tỉnh đã giảm 10% lãi suất cho vay trong thời gian 03 tháng (từ 01/10/2021 đến hết ngày 31/12/2021) cho tất cả các khách hàng còn dư nợ với số tiền đã hỗ trợ là 9,13 tỷ đồng và hiện đang xây dựng kế hoạch thực hiện hỗ trợ lãi suất 2%/năm trong 02 năm 2022-2023 đối với các khoản vay có lãi suất cho vay trên 6%/năm theo Nghị định 36/2022/NĐ-CP ngày 30/5/2022 của Chính phủ.

7. Công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội được thực hiện thường xuyên và phát huy hiệu quả. Trong 20 năm qua, Ban đại diện HĐQT NHCSXH các cấp, các tổ chức CT-XH nhận ủy thác và NHCSXH các cấp đã tiến hành kiểm tra 1.423 lượt huyện; 21.309 lượt Điểm giao dịch xã và 67.817 lượt Tổ TK&VV, 339.085 lượt hộ vay; Chủ tịch UBND cấp xã với vai trò thành viên Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp huyện đã thực hiện kiểm tra giám sát 4.452 lượt thôn, 6.678 lượt Tổ TK&VV, 33.390 lượt hộ vay. Trong đó:

- Ban đại diện HĐQT NHCSXH các cấp đã tổ chức kiểm tra được 281 lượt huyện, 4.621 lượt xã, 9.161 lượt Tổ TK&VV và 45.805 lượt hộ.

- Tổ chức CT-XH các cấp thực hiện kiểm tra, giám sát được 409 lượt huyện, 6.606 lượt xã, 25.667 lượt Tổ TK&VV và 128.335 lượt hộ.

- NHCSXH kiểm tra được 733 lượt huyện, 10.082 lượt Điểm giao dịch xã, 32.989 lượt Tổ TK&VV và 164.945 lượt hộ. Công tác giám sát từ xa được chú trọng, NHCSXH đã kiểm tra, rà soát 100% Điểm giao dịch xã, tăng cường công tác tự kiểm tra, chấn chỉnh những tồn tại, sai sót sau kiểm tra. Công tác khai thác các chỉ tiêu giám sát từ xa được thực hiện hàng tháng. Do đó, chất lượng công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ được nâng lên cả về chất và lượng, các đơn vị tuân thủ, chấp hành chủ trương, chính sách của Nhà nước và quy chế, quy trình nghiệp vụ của ngành.

Ngoài ra, trong hơn 20 năm qua các Đoàn kiểm tra, giám sát của Kiểm toán nhà nước, HĐQT, NHCSXH Trung ương thực hiện kiểm tra 18 lượt tỉnh, 89 lượt huyện, 96 lượt xã, 245 lượt Tổ và 1.225 lượt hộ vay. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp Hội Nông dân thực hiện kiểm tra, giám sát cho vay người sử dụng lao động trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất cho người lao động theo Nghị quyết 68/NQ-CP tại 05 doanh nghiệp tại thị xã Hoài Nhơn. Qua kết quả

kiểm tra và kiểm toán của các cơ quan chức năng đã ghi nhận và đánh giá NHCSXH đã triển khai và thực thi có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội, chấp hành đúng các quy định của Nhà nước và của ngành.

8. Công tác hiện đại hóa tin học trong triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội

Xác định “Hiện đại hóa tin học” là nội dung then chốt trong thực hiện mục tiêu nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí, tăng hiệu quả xử lý nghiệp vụ, từ năm 2013 NHCSXH đã chuyển đổi thành công sang mô hình dữ liệu tập trung trên hệ thống phần mềm Corebanking đã góp phần quan trọng trong việc tự động hóa các hoạt động nghiệp vụ theo mô hình tập trung dữ liệu trên toàn quốc, góp phần nâng cao năng lực quản trị và năng suất lao động. Từ khi triển khai chương trình còn góp phần thực hiện hiệu quả và toàn diện công tác kiểm tra, giám sát từ xa từ đó kịp thời phát hiện các tồn tại, hạn chế và phát huy hiệu quả hoạt động NHCSXH. Đồng thời, đã triển khai các phần mềm ứng dụng phù hợp với đặc thù hoạt động của đơn vị để phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và triển khai các hoạt động nghiệp vụ như: Phần mềm kiểm tra giám sát từ xa, phần mềm kiểm tra thông tin khách hàng trước khi cho vay, thống kê các chương trình cho vay từ nguồn vốn địa phương... cũng như bước đầu triển khai ứng dụng Mobile-banking để hỗ trợ và phục vụ tốt hơn nữa các đối tượng khách hàng của NHCSXH.

9. Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước về tín dụng chính sách xã hội

Công tác thông tin, tuyên truyền về hoạt động tín dụng chính sách xã hội, các chính sách tín dụng của Đảng và Nhà nước đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân biết để thực hiện và giám sát. Việc đổi mới và đa dạng các hình thức truyền thông đã giúp người dân và các cấp, các ngành nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội.

Mặt trận Tổ quốc và tổ chức CT-XH các cấp thường xuyên quan tâm đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội, chỉ đạo cấp cơ sở phối hợp tốt với NHCSXH trong việc thực hiện các chương trình tín dụng chính sách. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác; nâng cao hiệu quả giám sát của toàn dân đối với công tác này thông qua việc công khai các chủ trương chính sách tín dụng ưu đãi tại các xã, phường, thị trấn; thông qua các lớp tập huấn; các buổi giao ban hàng tháng tại Điểm giao dịch xã, các buổi sinh hoạt nhân ngày lễ lớn, hoạt động thường xuyên của hội; thông qua các phương tiện báo chí, phát thanh truyền hình. Bên cạnh đó, NHCSXH đã phối hợp với các Hội đoàn thể tổ chức thi nghiệp vụ giỏi, thi tìm hiểu về Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW, Hội viên các hội đoàn thể giao lưu học hỏi, tăng cường sự hiểu biết, gắn kết, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Trong 20 năm qua đã có 352 phóng sự, bản tin truyền hình, thực hiện 2.946

tin bài trên báo trung ương và địa phương, Công thông tin điện tử tỉnh và cấp huyện,... tuyên truyền về tín dụng chính sách xã hội và tuyên truyền đến hộ vay vốn thông qua: Bảng thông tin niêm yết các chủ trương, chính sách về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; tổ chức gặp gỡ, tuyên truyền trực tiếp tại các phiên họp giao ban với tổ chức CT-XH, Tổ TK&VV; tuyên truyền qua hệ thống loa phát thanh của địa phương, công thông tin điện tử và công khai các chủ trương, chính sách tín dụng, dư nợ tại Trụ sở và 159 Điểm giao dịch xã. Qua đó, các hộ vay vốn nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng vốn hiệu quả, có ý thức trả nợ, dành dụm gửi tiết kiệm, vươn lên thoát nghèo bền vững và nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh hiệu quả được nhân rộng. Cùng với đó, mỗi cán bộ NHCSXH đều có trách nhiệm và luôn làm tốt vai trò là một tuyên truyền viên, giúp người dân và các tổ chức liên quan hiểu về hoạt động tín dụng chính sách cũng như cập nhật kịp thời các chủ trương, chính sách của Chính phủ về tín dụng chính sách xã hội.

10. Công tác đào tạo, tập huấn triển khai thực hiện tín dụng chính sách

a) Để nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội NHCSXH đã phối hợp tổ chức CT-XH các cấp cùng UBND cấp xã tổ chức tập huấn cho 100% cán bộ Ban Giảm nghèo, tổ chức CT-XH các cấp và Ban quản lý Tổ TK&VV. Trong 20 năm qua đã tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ tín dụng chính sách cho đối tượng ngoài ngành NHCSXH được 5.830 lượt cán bộ tổ chức CT-XH nhận ủy thác, 715 lượt Chủ tịch UBND cấp xã, 1.785 lượt cán bộ Ban Giảm nghèo cấp xã, 13.392 lượt Trưởng thôn, làng, khu phố và 60.518 lượt cán bộ Ban quản lý Tổ TK&VV.

b) Trong 20 năm qua, Chi nhánh NHCSXH tỉnh đã tổ chức các lớp tập huấn theo các chuyên đề chuyên môn nghiệp vụ cho trên 5.725 lượt cán bộ của đơn vị; đồng thời, thường xuyên rà soát, cử cán bộ tham gia các lớp tập huấn, khóa đào tạo do NHCSXH tổ chức như: đào tạo cán bộ mới tuyển dụng; kỹ năng thuyết trình, tập huấn đối với cán bộ tín dụng; kỹ năng quản lý đối với cán bộ lãnh đạo; tập huấn theo từng chuyên đề nghiệp vụ,... đảm bảo nâng cao trình độ nghiệp vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 40-CT/TW, KẾT LUẬN SỐ 06-KL/TW CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

Sau khi Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư được ban hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 55-CT/TU ngày 09/3/2015 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội” và chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể trong tỉnh tổ chức quán triệt và triển khai nội dung của Chỉ thị đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn. UBND tỉnh ban hành văn bản số 3758/UBND-VX ngày 07/8/2015 về việc thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Chỉ thị số 55-CT/TU, Quyết định số 4751/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Bình Định, trong đó giao nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố quán triệt nội dung kế hoạch của UBND tỉnh và xây dựng kế

hoạch của cơ quan, đơn vị để tổ chức thực hiện. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành, địa phương đã cụ thể hóa và tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nhiều hình thức phù hợp. Qua đó, đã nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, tạo được sự thống nhất trong nhận thức và hành động, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong triển khai tín dụng chính sách xã hội.

Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và ban hành Thông báo kết luận số 1464-TB/TU ngày 23/8/2019 của Thường trực Tỉnh ủy về tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 40-CT/TW. Ngày 23/6/2021, Tỉnh ủy đã ban hành công văn số 127-CV/TU chỉ đạo thực hiện Kết luận số 06-KL/TW trên địa bàn tỉnh. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại công văn số 3972/UBND-VX ngày 05/7/2021 về việc đề xuất triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW trên địa bàn tỉnh; chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản số 4403/UBND-VX ngày 22/7/2021 về thực hiện Kết luận số 06-KL/TW trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 4751/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 về kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 40-CT/TW và Kết luận số 06-KL/TW.

2. Kết quả thực hiện

a) Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động tín dụng chính sách xã hội, cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tín dụng chính sách xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tín dụng chính sách xã hội, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng chính sách xã hội trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp huy động các nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững; chỉ đạo tập trung các nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước vào một đầu mối là NHCSXH, ưu tiên cân đối nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các chương trình, dự án tín dụng chính sách xã hội và bảo đảm hoạt động ổn định, bền vững của hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Hàng năm, bố trí ngân sách bổ sung nguồn vốn cho vay các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn, đồng thời tạo điều kiện về địa điểm, phương tiện, an ninh, an toàn đối với các phiên giao dịch lưu động của NHCSXH tại Điểm giao dịch tại trụ sở UBND cấp xã, giúp cho việc triển khai tín dụng chính sách xã hội được thuận tiện, nhanh chóng và ngày càng gần gũi với dân hơn, tiết kiệm chi phí, thời gian đi lại của người dân.

b) Mặt trận Tổ quốc và tổ chức CT-XH các cấp thường xuyên quan tâm đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội; phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng

chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác; nâng cao hiệu quả giám sát xã hội đối với việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn; các tổ chức CT-XH phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách, thông qua việc lồng ghép hoạt động tín dụng với chương trình, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm. Tham gia tuyên truyền, tập huấn khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao kỹ thuật và nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả giúp đối tượng thụ hưởng vươn lên thoát nghèo.

c) Thực hiện chủ trương đa dạng hóa nguồn lực thực hiện tín dụng chính sách xã hội, để đảm bảo có đủ nguồn vốn thực hiện các chương trình tín dụng chính sách trên địa bàn, cùng với nguồn vốn cân đối từ Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo việc huy động và tập trung các nguồn lực tài chính, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Kể từ khi triển khai thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW đến nay, tổng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn là 476,7 tỷ đồng, tăng 453,1 tỷ đồng so với trước khi có Chỉ thị số 40-CT/TW.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Giai đoạn 2002 đến nay, mặc dù một số thời điểm gặp khó khăn, thách thức do tình hình dịch bệnh, thiên tai, bão lũ, nắng nóng, khô hạn diễn biến phức tạp, nhưng được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Ban đại diện HĐQT NHCSXH, sự hỗ trợ của cấp ủy, chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức CT-XH và các sở, ngành liên quan, đã tập trung được nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Vốn tín dụng chính sách xã hội đã giúp gần 726 nghìn lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ NHCSXH. Vốn tín dụng chính sách xã hội được đầu tư đến 159/159 xã, phường, thị trấn, 100% thôn, làng, khu phố. Vốn tín dụng đã giúp hơn 116 nghìn hộ vượt qua ngưỡng nghèo; thu hút, tạo việc làm cho gần 81 nghìn lao động (hơn 02 nghìn lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài); tạo điều kiện cho hơn 107 nghìn HSSV có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập; xây dựng gần 202 nghìn công trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn; hơn 6 nghìn căn nhà ở cho hộ nghèo, gần 47 nghìn hộ gia đình tại vùng khó khăn vay vốn sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập nhằm cải thiện cuộc sống từng bước vươn lên thoát nghèo; hỗ trợ xây dựng 808 căn nhà ở xã hội theo Nghị định 100/NĐ-CP.

Với phương châm “*Thấu hiểu lòng dân, tận tâm phục vụ*”, tín dụng chính sách xã hội đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác đến nay đã thực sự đi vào cuộc sống, được nhân dân đồng tình ủng hộ, hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được tiếp cận vốn ưu đãi kịp thời, sử dụng vốn có hiệu quả, giải

quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống. Từ những kết quả đạt được có thể khẳng định tín dụng chính sách đã đạt hiệu quả tích cực, phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân, của người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Hiệu quả tín dụng chính sách đã khẳng định phương thức quản lý và mô hình tổ chức, quản trị điều hành, tác nghiệp của NHCSXH là hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tiễn, đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của cả xã hội tham gia vào công cuộc giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội.

NHCSXH với mạng lưới Phòng giao dịch và hệ thống Điểm giao dịch xã đến tận xã, phường, thị trấn, mạng lưới Tổ TK&VV được thành lập tại các thôn, làng, khu phố đã giúp người nghèo và các đối tượng chính sách tiếp cận tín dụng chính sách xã hội thuận lợi, tiết giảm chi phí, thực hiện quy chế dân chủ, công khai và tăng cường giám sát của chính quyền địa phương, các tổ chức CT-XH, Mặt trận Tổ quốc và của cả xã hội trong việc thực hiện chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Hoạt động Điểm giao dịch xã là bước tiến trong cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác được tiếp cận với nguồn vốn ưu đãi, tiết giảm chi phí đi lại. Cùng với hoạt động tích cực của Tổ TK&VV đã tạo sự quản lý chặt chẽ vốn tín dụng chính sách xã hội từ khâu bình xét cho vay, sử dụng vốn đến khâu trả nợ, trả lãi.

2. Một số khó khăn, tồn tại và nguyên nhân

a) Nguồn lực để thực hiện một số chương trình tín dụng chính sách còn hạn chế so với nhu cầu vay vốn của các đối tượng chính sách trên địa bàn; nhất là tại một số chương trình tín dụng có nhu cầu lớn như chương trình cho vay giải quyết việc làm; đối tượng người thu nhập thấp, có mức sống trung bình chưa có cơ chế cho vay.

b) Nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm để tiếp tục phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các hộ gia đình tại 31 xã không còn thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 và 18 xã không còn là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 rất lớn, do hiện nay các xã này không tiếp tục được thụ hưởng chính sách cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn.

c) Hiện nay, mức vay tối đa đối với 01 công trình chương trình tín dụng nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 10 triệu đồng, trong khi chi phí giá cả về nguyên vật liệu, nhân công cao nên chưa đủ chi phí cần thiết để hộ dân xây dựng công trình đảm bảo chất lượng.

d) Tình hình thiên tai bão lũ và dịch bệnh xảy ra trên vật nuôi, cây trồng diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân, nhất là hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Thứ nhất: Chủ trương của Đảng, Nhà nước về tín dụng với người nghèo và đối tượng chính sách khác là hoàn toàn đúng đắn phù hợp với nguyện vọng của các đối tượng thụ hưởng nên được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Thứ hai: Cơ chế, chính sách phù hợp của tín dụng chính sách xã hội, tổ chức thực hiện gắn liền với việc huy động các nguồn lực để thực hiện tín dụng chính sách xã hội mang lại hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Thứ ba: Tổ chức thực hiện thành công phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách xã hội đặc thù và hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Mô hình này đã huy động được sức mạnh của chính quyền các cấp, các tổ chức CT-XH và toàn xã hội dành cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Thứ tư: Phương thức giao dịch trực tiếp đối với người vay tại Điểm giao dịch xã, ủy thác một số nội dung công việc qua tổ chức CT-XH, thực hiện công khai, minh bạch có sự giám sát của chính quyền, của cộng đồng xã hội đã tạo được lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Thứ năm: Ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển sản phẩm dịch vụ để thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ, phục vụ phục vụ và đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ quản lý tín dụng chính sách xã hội đối với các tổ chức CT-XH, Ban quản lý Tổ TK&VV. Thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ tâm huyết, tinh thông nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tận tụy phục vụ người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Thứ sáu: Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến mọi tầng lớp nhân dân để biết và tiếp cận vốn ưu đãi; tăng cường nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn tín dụng chính sách đảm bảo an toàn và hiệu quả.

Phần thứ hai

ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI NGƯỜI NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC GIAI ĐOẠN TIẾP THEO (ĐẾN NĂM 2030)

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

1. Bám sát Chiến lược phát triển NHCSXH đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, sự chỉ đạo của Trung ương và các Chương trình, Kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn để chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân, phát huy vai trò của tín dụng chính sách xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Tín dụng chính sách xã hội là một trong những giải pháp quan trọng thực hiện các chủ trương, chính sách, mục tiêu, nhiệm vụ chương trình mục tiêu quốc gia cũng như các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy cần phải tiếp tục tổ

chức, triển khai thực hiện tích cực và hiệu quả chính sách này. Duy trì và tiếp tục phát huy hiệu lực, hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý vốn tín dụng chính sách xã hội đặc thù, phù hợp với thực tiễn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung nguồn lực và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện thành công các Chương trình mục tiêu quốc gia và Kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân trên địa bàn. Quan tâm phát triển NHCSXH theo hướng ổn định, bền vững, bảo đảm thực hiện tốt chính sách tín dụng của Đảng, Chính phủ, phát triển các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ ngày càng có hiệu quả hơn cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ do NHCSXH cung cấp.

- Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động nghiệp vụ phù hợp với hoạt động của NHCSXH.

- Tăng trưởng dư nợ tín dụng chính sách bình quân hàng năm khoảng từ 8 - 10%.

- Tăng cường huy động tiền gửi từ các tổ chức, cá nhân, nhận tiền gửi từ thành viên của Tổ TK&VV, phấn đấu thực hiện đạt 100% kế hoạch tăng trưởng Trung ương giao. Hoàn thành kế hoạch nhận vốn ủy thác Trung ương giao.

- Tập trung công tác xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn, duy trì tỷ lệ nợ quá hạn ổn định dưới 0,07%/tổng dư nợ. Tăng cường củng cố và nâng cao chất lượng tín dụng: Tích cực thu nợ đến hạn tạo nguồn vốn cho vay quay vòng, tỷ lệ thu nợ gốc đến hạn đạt trên 95%; Tổ TK&VV xếp loại tốt chiếm trên 95%.

- Củng cố nâng cao chất lượng hoạt động Điểm giao dịch xã: Tỷ lệ giải ngân, thu lãi, thu nợ tại Điểm giao dịch xã đạt trên 95%; 100% xã, phường, thị trấn xếp loại tốt.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 40-CT/TW, Kết luận số 06-KL/TW, Chỉ thị số 55-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản chỉ đạo của tỉnh đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội, hàng năm xem xét cân đối nguồn vốn từ ngân sách địa phương để bổ sung nguồn vốn cho vay các đối tượng chính sách xã hội, giải quyết việc làm trên địa bàn.

2. Tổ chức thực hiện tốt chủ trương huy động các nguồn lực cho tín dụng chính sách xã hội gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững. Triển khai thực hiện tốt các

chương trình tín dụng chính sách xã hội đã ban hành và các chương trình tín dụng chính sách theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ.

3. Tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa hiệu quả mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách xã hội. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Ban đại diện HĐQT NHCSXH các cấp trong việc chỉ đạo, giám sát thực thi tín dụng chính sách trên địa bàn; thực hiện tốt công tác điều hành từ tỉnh đến cơ sở, chủ động cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Nghị quyết và nhiệm vụ được giao. Triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động ủy thác cho vay, chất lượng hoạt động của các Tổ TK&VV và các Điểm giao dịch xã.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả nguồn nhân lực để thực hiện tín dụng chính sách xã hội. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, năng lực đối với đội ngũ cán bộ của NHCSXH, các tổ chức CT-XH nhận ủy thác và Ban quản lý Tổ TK&VV. Nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội đầu tư có hiệu quả và trách nhiệm trong việc hoàn trả vốn vay.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành trong việc nâng cao chất lượng tín dụng chính sách xã hội; công tác điều tra, xác định đối tượng được vay vốn; phối hợp có hiệu quả giữa các hoạt động tập huấn kỹ thuật, đào tạo nghề và chuyên gia công nghệ với hoạt động tín dụng chính sách xã hội, giúp người vay sử dụng vốn có hiệu quả.

5. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức CT-XH trong tỉnh tiếp tục phát huy vai trò tập hợp lực lượng, đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội đến các tầng lớp nhân dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác; tiếp tục giám sát, phản biện xã hội đối với quá trình thực hiện tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

6. Tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Trong đó, đặc biệt coi trọng chất lượng tín dụng, công tác nhận ủy thác của các tổ chức CT-XH nhận ủy thác, chất lượng hoạt động của các Tổ TK&VV, hoạt động giao dịch tại xã, thực hiện công khai về các thông tin, các chủ trương chính sách liên quan đến hoạt động tín dụng chính sách, tạo điều kiện tốt nhất cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác tiếp cận vốn tín dụng chính sách xã hội.

Các tổ chức CT-XH nhận ủy thác của NHCSXH thực hiện đầy đủ các nội dung được ủy thác; phối hợp với chính quyền địa phương trong việc củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động tín dụng chính sách xã hội; hướng dẫn bình xét đối tượng vay vốn; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, hướng dẫn người vay sử dụng vốn hiệu quả; phối hợp với chính quyền địa phương và NHCSXH lập hồ đề nghị xử lý nợ rủi ro kịp thời, đúng quy định. Thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn, hướng dẫn xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, các mô hình giúp nhau vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng.

7. Chủ động xây dựng các chương trình, dự án, gắn kết giữa đầu tư các mô hình kinh tế với nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa; đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, đào tạo nghề giúp hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay.

8. Tăng cường công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, các tổ chức CT-XH với NHCSXH trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn. Tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa tin học, áp dụng ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong triển khai các mặt hoạt động nghiệp vụ, dịch vụ Ngân hàng để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ, phục vụ tốt hơn.

9. Tăng cường công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chính sách tín dụng ưu đãi và các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

10. Tổ chức phát động các phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao; tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua do các cấp, các ngành phát động.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ

- Qua 20 năm triển khai thực hiện Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, đến nay đã đi vào cuộc sống phát huy hiệu quả thiết thực đến đời sống của người dân, đặc biệt là đối tượng hộ nghèo và chính sách. Nghị định số 78/2002/NĐ-CP vẫn còn nguyên giá trị, đề nghị Chính phủ tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện mô hình tổ chức và phương thức quản lý tín dụng chính sách xã hội do NHCSXH thực hiện đã và đang đem lại hiệu quả thiết thực nhằm góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo an sinh xã hội; cân đối bố trí đủ nguồn lực để thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội.

- Xem xét ban hành cơ chế tín dụng chính sách là người thu nhập thấp, có mức sống trung bình nhằm góp phần tạo điều kiện cho đối tượng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi phát triển kinh tế, ổn định đời sống; đồng thời sửa đổi, bổ sung cơ chế các chương trình tín dụng chính sách xã hội phân theo từng vùng miền phù hợp với điều kiện phát triển của từng địa phương, xem xét bổ sung đối tượng cho vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đối với địa bàn thị trấn thuộc huyện, nâng mức cho vay tối đa lên 20 triệu đồng/công trình để đáp ứng chi phí cần thiết xây dựng công trình nước sạch và vệ sinh đảm bảo chất lượng; bổ sung cơ chế chi phụ cấp cho Trưởng thôn trong công tác trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ đối với tín dụng chính sách xã hội.

2. Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam

Tiếp tục quan tâm bố trí vốn của Trung ương theo Kế hoạch của tỉnh xây dựng hàng năm trên cơ sở tổng hợp nhu cầu về vốn các chương trình tín dụng chính sách được rà soát, xây dựng từ cấp cơ sở nhằm thực hiện mục tiêu giảm

nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị NHCSXH;
- NHCSXH Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, PCT Lâm Hải Giang;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- HND, HLHPN, HCCB, ĐTN tỉnh;
- TV BDD HĐQT NHCSXH tỉnh;
- NHCSXH tỉnh Bình Định;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trưởng BDD HĐQT cấp huyện;
- PGD NHCSXH cấp huyện;
- CVP, PCVP NN;
- Lưu: VT, K20.

(báo cáo)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH

Từ năm 2003 đến năm 2022

Đơn vị: triệu đồng, khách hàng.

STT	Các chương trình tín dụng	Lũy kế doanh số cho vay	Lũy kế doanh số thu nợ	Lũy kế doanh số xóa nợ	TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng còn dư nợ từng chương trình tín dụng	Lũy kế số lượt khách hàng vay vốn
						Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoan	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Cho vay ưu đãi hộ nghèo - Nghị định 78/2002	4.824.121	4.119.747	4.643	749.975	747.735	1.062	1.178	460	583.432	166.083	13.728	230.857
2	Cho vay hộ cận nghèo - QĐ 15/2013	2.493.047	1.415.064	344	1.077.712	1.076.378	498	836	625	966.075	111.012	19.495	54.604
3	Cho vay hộ mới thoát nghèo - QĐ 28/2015	993.079	451.671	95	541.343	541.044	84	216	490	540.853	-	9.904	19.288
4	Cho vay HSSV - QĐ 157/2007	2.044.309	1.620.376	616	425.674	424.736	730	208	-	54.183	371.491	10.887	164.483
5	Cho vay NS&VSM TNT - QĐ 62/2004	1.328.813	642.026	280	686.612	686.253	221	138	-	686.612	-	37.733	113.554
6	Cho vay giải quyết việc làm - ND 61/2015	1.857.043	868.248	632	1.015.803	1.015.445	247	111	7.975	987.460	20.368	23.746	65.512
7	Cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài (Cho vay xuất khẩu lao động thông thường và cho vay xuất khẩu lao động huyện nghèo)	132.215	107.740	41	24.433	24.433	-	-	-	24.333	100	357	2.427
8	Cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn - QĐ 31/2007	1.629.374	1.308.130	153	321.009	320.555	197	257	50	320.959	-	7.189	46.965
9	Cho vay thương nhân vùng khó khăn - QĐ 92/2009	32.545	32.515	30	-	-	-	-	-	-	-	-	928
10	Cho vay nhà ở xã hội - ND 100/2015	276.771	22.539	-	254.232	254.221	11	-	-	-	254.232	777	808
11	Cho vay hộ nghèo về nhà ở QĐ 167, QĐ 33, QĐ 48	79.345	30.801	861	47.668	47.602	15	50	-	-	47.668	2.459	6.031
12	Cho vay đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo QĐ 32/2007/QĐ-TTg, QĐ 54/2012/QĐ-TTg, QĐ 755/QĐ-TTg và QĐ 2085/2016/QĐ-TTg	71.453	38.902	18	32.527	32.527	-	-	-	13.006	19.521	699	5.368
13	Cho vay trồng rừng sản xuất, phát triển chăn nuôi NĐ75	8.930	7.811	-	1.119	1.119	-	-	-	1.119	-	23	194
14	Cho vay Dự án PTNLN (WB3)	236.150	200.973	154	35.176	34.876	-	300	-	1.148	34.029	675	12.155
15	Cho vay người sử dụng lao động để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất (NQ 42, NQ 68)	55.111	13.931	-	41.181	41.181	-	-	41.181	-	-	8	74
16	Cho vay HSSV mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập theo QĐ 09/2022/QĐ-TTg	26.190	190	-	26.000	26.000	-	-	-	26.000	-	1.837	2.619
17	Cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập	8.410	-	-	8.410	8.410	-	-	-	8.410	-	102	102
Tổng cộng		16.096.906	10.880.663	7.866	5.288.874	5.282.515	3.066	3.293	50.780	4.213.591	1.024.503	129.619	725.969

**BÁO CÁO KẾT QUẢ VỀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ
TỪ NGUỒN VỐN TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH (2003 - 2022)**

TT	Vốn tín dụng chính sách góp phần giúp:	Đơn vị tính	Kết quả từ năm 2003 đến năm 2022
1	2	3	4
1	Số lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ NHCSXH	Hộ	725.969
2	Số hộ vượt qua ngưỡng nghèo	Hộ	116.167
3	Số lao động được tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm	Lao động	78.425
4	Số lao động được đi xuất khẩu lao động	Lao động	2.427
5	Số HSSV được vay vốn đi học	HSSV	107.148
6	Số công trình NS&SVMTNT được xây dựng	Công trình	201.915
7	Số căn nhà được xây dựng	Căn nhà	7.075
	Trong đó: - Nhà ở xã hội	Căn nhà	808
	- Nhà ở cho hộ nghèo, nhà phòng tránh bão ...	Căn nhà	6.267
8	Số lao động được DN vay vốn để trả lương do ảnh hưởng dịch Covid-19	Lao động	7.345

**THỐNG KÊ HỖ TRỢ CỦA ĐỊA PHƯƠNG
CHO HOẠT ĐỘNG CỦA NHCSXH**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả hỗ trợ từ năm 2003 đến năm 2022	
			Tổng số	Trong đó: Kết quả hỗ trợ từ khi thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW
1	2	3	4	5
I	Trụ sở làm việc	Triệu đồng	21.885	13.852
1	Nhà chuyên giao			
	- Diện tích sử dụng	m2		
	- Giá trị	Triệu đồng		
2	Nhà chuyển nhượng			
	- Diện tích sử dụng	m2		
	- Giá trị	Triệu đồng		
3	Đất được cấp			
	- Diện tích sử dụng	m2	12.280	3.522
	- Giá trị	Triệu đồng	20.508	13.852
4	Hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng	Triệu đồng	0	
5	Hỗ trợ kinh phí xây dựng Trụ sở	Triệu đồng	1.377	
II	Tài sản		75	
1	Ô tô, xe máy			
	- Số lượng	Chiếc		
	- Giá trị	Triệu đồng		
2	Máy vi tính			
	- Số lượng	Chiếc		
	- Giá trị	Triệu đồng		
3	Tài sản khác	Triệu đồng	75	
III	Nguồn vốn cho vay			
	- Vốn ủy thác cho vay	Triệu đồng	476.650	453.109
	- Vốn hỗ trợ lãi suất cho vay	Triệu đồng	13.516	12.807
	- Vốn hỗ trợ khác	Triệu đồng		
	Tổng giá trị hỗ trợ	Triệu đồng	13.516	12.807

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BAN ĐẠI DIỆN HDQT,
ĐIỂM GIAO DỊCH TẠI XÃ, TỔ TK&VV**

Đến 30/6/2022

STT	Chi tiêu	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4
1	Số Phòng giao dịch	10	
2	Số Ban đại diện HDQT cấp huyện	11	
3	Số lượng thành viên BDD HDQT cấp tỉnh	13	
4	Số lượng thành viên BDD HDQT cấp huyện	272	
	Trong đó: Chủ tịch UBND cấp xã	159	
5	Số Điểm giao dịch NHCSXH tại xã, phường	159	
6	Số Tổ TK&VV đang hoạt động	2.365	
7	Số hộ vay vốn qua Tổ TK&VV	98.255	

**DƯ NỢ CHO VAY THEO PHƯƠNG THỨC ỦY THÁC
QUA 04 TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

Đến 31/8/2022

Đơn vị: tổ, khách hàng, triệu đồng, %

STT	Tổ chức chính trị - xã hội	Số tổ TK&VV đang còn dư nợ	Số hộ đang còn dư nợ	Dư nợ đến 31/8/2022			
				Tổng số	Tỷ trọng (%)	Trong đó	
						Nợ quá hạn	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Ủy thác qua Hội Phụ nữ	1.103	48.446	2.621.181	50,13	1.779,5	0,07
2	Ủy thác qua Hội Nông dân	723	28.801	1.521.671	29,10	517,5	0,03
3	Ủy thác qua Hội Cựu chiến binh	326	12.327	638.490	12,21	509,9	0,08
4	Ủy thác qua Đoàn thanh niên	213	8.446	447.658	8,56	204,7	0,05
	Tổng cộng	2.365	98.020	5.229.001	100,00	3.011,7	0,06